

CÔNG TY CỔ PHẦN P&K VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN P&K VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: P&K VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: P&K VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0108519270

3. Ngày thành lập: 20/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số E22, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913512666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà không để ở	4102
2.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
3.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
4.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
5.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
7.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
8.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm đấu giá)	4543
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
15.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại	7490
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

17.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ viễn thông; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
26.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
27.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
28.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
29.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình điện	4221
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	In ấn	1811
35.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
38.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa	7912

39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
41.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá)	4541
42.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
43.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
44.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
46.	Quảng cáo	7310
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
52.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy máy tính - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng	8559
58.	Bán buôn thực phẩm	4632
59.	Bán buôn đồ uống	4633
60.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
61.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
62.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
63.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

66.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322(Chính)
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
69.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
70.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm đầu giá)	4791
72.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
76.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
77.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4513
78.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4530
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
84.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
85.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
86.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4511
87.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
88.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
89.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
90.	Xây dựng công trình thủy	4291
91.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ KỲ	Số 16 ngách 65 ngõ Thông Nhất, phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	110.000	1.100.000.000	11,000	030072005345	
			Tổng số	110.000	1.100.000.000	11,000		
2	NGUYỄN THỊ LỘC	A2P2, tập thể C26, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	0,100	013067234	
			Tổng số	1.000	10.000.000	0,100		
3	VŨ THANH PHƯƠNG	Số 53 ngõ Thông Nhất, phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	889.000	8.890.000.000	88,900	011806405	
			Tổng số	889.000	8.890.000.000	88,900		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THANH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/07/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011806405

Ngày cấp: 05/07/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 53 ngõ Thống Nhất, phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 53 ngõ Thống Nhất, phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội